TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/HS-ST
Ngày 23-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị An;

- Bà Đặng Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 20/2026/HSST-QĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lò Quốc V3, sinh ngày 15/01/2008 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 17 tuổi 05 tháng 19 ngày) tại Nghệ An; căn cước công dân số: 040208024518; nơi cư trú: Xóm Í, xã C, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn Q, sinh năm 1967 và bà Lương Thị N, sinh năm 1972; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2025; có mặt.

2. Lường Văn H, sinh ngày 16/02/2008 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 17 tuổi 04 tháng 18 ngày) tại Sơn La; căn cước công dân số: 014208004885; nơi cư trú: Bản T, xã B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn C, sinh năm 1984 và bà Lương Thị D, sinh năm 1989; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2025; có mặt.

3. Đinh Văn L, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1999; căn cước công dân số: 042099013764; nơi cư trú: Thôn F, xã H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Đinh Viết C1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2025; có mặt.

4. Đinh Mậu T, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1999; căn cước công dân số: 042099006364; nơi cư trú: Thôn F, xã H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T1, sinh năm 1969 và bà Đinh Thị T2, sinh năm 1970; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2025; có mặt.

5. Lô Trung K, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2006; căn cước công dân số: 040206009183; nơi cư trú: Bản Q, xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lô Văn N1, sinh năm 1978 và bà Ngân Thị H1, sinh năm 1985; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2025; có mặt.

6. Lô Thế Đ, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2007 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 17 tuổi 10 tháng 15 ngày); căn cước công dân số: 040207013982; nơi cư trú: Bản Q, xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lô Văn B, đã chết và bà Kha Thị S1, sinh năm 1986; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2025; có mặt.

7. Hà Văn V, sinh ngày 03 tháng 12 năm 1992; căn cước công dân số: 040092019945; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn B1, sinh năm 1968 và bà Lương Thị H2, sinh năm 1968; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2025; có mặt.

8. Lường Văn T3, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2006; căn cước công dân số: 014206012932; nơi cư trú: Bản T, xã B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn C2, đã chết và bà Lương Thị C3, sinh năm 1977; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2025; có mặt.

9. Vy Văn T4, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1995; căn cước công dân số: 040095034690; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn V1, sinh năm 1971 và bà Hà Thị C4, sinh năm 1970; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2025; có mặt.

10. Lường Văn Q1, sinh ngày 13/7/1994; căn cước công dân số: 014094004457; nơi cư trú: Bản P, xã C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Lường Văn T5, sinh năm 1972 và bà Vì Thị H3, sinh năm 1978; có vợ là Vì Thị T6, sinh năm 1996 và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2025 đến ngày 24/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; có mặt.

11. Lường Văn T7, sinh ngày 06/12/1998; căn cước công dân số: 014098002018; nơi cư trú: Bản P, xã C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn T5, sinh năm 1972 và bà Vì Thị H3, sinh năm 1978; có vợ là Lò Thị T8, sinh năm 2002 và 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2025 đến ngày 24/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; có mặt.

12. Lò Văn V2, sinh ngày 26/6/2003; căn cước công dân số: 014203004517; nơi cư trú: Bản P, xã C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn D1, đã chết và bà Vì Thị L1, sinh năm 1986; có vợ là Lường Thị L2, sinh năm 2003 và 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2025 đến ngày 24/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo V3 và H:* Bà Cù Thúy M - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Q1:* Ông Phạm Duy K1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt;

- *Người bào chữa cho các bị cáo T7 và V2:* Bà Trương Thị H4 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt;

- *Người bào chữa cho các bị cáo K, Đ và Lường Văn T3:* Ông Nguyễn Văn Tú N2 và bà Trần Thị T9 - Đều là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; bà T9 có mặt, ông N2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Vi Văn T10 và anh Lý Văn Q2, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 03/7/2025, Lô Trung K, Lò Q, Lô Thế Đ, Lường Văn T3 và Lường Văn H rủ nhau đi uống rượu tại Lượng L thuộc tổ dân phố Đ, phường A. Khoảng 24 giờ cùng ngày, H và V3 đi ra ngồi ở ghế đá trước cửa quán thì xảy ra tranh cãi với một nhóm thanh niên (không rõ lai lịch). Hai bên hẹn nhau đến ngã 3 tổ dân phố Đ, lối ra khu công nghiệp A để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó V3 gọi điện cho các bạn là Vy Văn T4, Hà Văn V, Đinh Mậu T, Đinh Văn L và dặn mang theo hung khí đến để đánh nhau, tất cả cùng đồng ý. Khi đi T và L cầm theo mỗi người 01 con dao, T điều khiển xe mô tô đến đón V, T4 cũng mang theo mỗi người 01 con

dao để ở võng xe mô tô đi một mình cùng nhau đến khu vực ngã 3 tổ dân phố Đ gặp nhóm của V3.

Khoảng 02 giờ ngày 04/7/2025, anh Lý Văn Q2 đi xe mô tô chở V2 ngồi giữa và T7; Q1 đi xe mô tô chở anh Vi Văn T10 đi qua ngã 3. Thấy nhóm của anh Q2 đi qua, Hiệp tưởng là nhóm thanh niên trước đó mâu thuẫn với mình nên đã cầm 01 gậy gỗ dài khoảng 60cm, đường kính 03cm vụt 01 nhát vào lưng T10 làm gậy bị gãy đôi. Thấy thế, Q1 dừng xe cầm mũ bảo hiểm đánh H, T7 cũng lao vào, dùng tay chân cùng Q1 đánh làm H ngã ra đường, Thiên giằng gậy của H vụt H, V3 cầm 01 tuýp inox dài 80cm, đường kính 02cm đưa cho K rồi nhặt 01 gậy gỗ dài 02 mét đường kính 3,5cm; T4 nhặt đoạn gậy của H bị gẫy; Đ cầm 01 gậy inox cùng lao vào đánh Q1 và T7. V2 cầm mũ bảo hiểm xông vào đánh V3. Cùng lúc đó thì L và T cầm dao xông vào chém T7 gây thương tích, V cầm dao chém về phía Q1 nhưng không trúng. Sau một hồi hai nhóm lao vào đánh nhau có người hô Công an đến nên hai nhóm dừng lại rồi bỏ đi. Hậu quả, T7 bị thương tích điều trị tại Trung tâm y tế A; Q1, T10, H bị thương nhẹ không phải điều trị và từ chối giám định thương tích. Sau khi xảy ra sự việc, anh T10 đã đến Công an phường A trình báo.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Nơi xảy ra vụ án thuộc đường nội bộ tổ dân phố Đ, phường A là khu vực tập trung đông dân cư. Thu giữ tại hiện trường: 01 mũ bảo hiểm màu xanh của Lường Văn Q1; 01 gậy gỗ dài 2m, đường kính 3,5 cm; 02 gậy gỗ, có chiều dài 27,5cm và 35cm, đường kính 3cm. Đối với những con dao của T, L, V, T4, mũ bảo hiểm của V2, gậy inox của Đ, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Kết luận giám định số 492/2025/KLTgTHS-TTPYHP ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm pháp y thành phố H, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lường Văn T7 là 05%.

Bản cáo trạng số 78/CT-VKSKV2 ngày 27/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng đã truy tố các bị cáo: Lò Quốc V3, Lường Văn H, Đinh Văn L, Đinh Mậu T, Lô Trung K, Lô Thế Đ, Hà Văn V, Lường Văn T3, Vy Văn T4, Lường Văn Q1, Lường Văn T7 và Lò Văn V2 về tội Gây rối trật tự công cộng theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo V3, H, K, Đ, T, L, Vy Văn T4, V đã bồi thường thiệt hại cho Q1, T7, V2 và Vy Văn T11 80.000.000 đồng; Q1, T7, V2, T11 không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo này. Các bị cáo Q1, T7 và V2 đã nộp 2.000.000 đồng vào tài khoản Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng với mục đích bồi thường cho V3, H và H và V3 đồng ý nhận số tiền bồi thường này, không yêu cầu Q1, T7 và V2 phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo này.

Kiểm sát viên trình bày luận tội, khẳng định: Cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Lò Q, Lường Văn H, Đinh Văn L, Đinh Mậu T, Lô Trung K, Lô Thế Đ, Hà Văn V, Lường Văn T3, Vy Văn T4, Lường Văn Q1, Lường Văn T7 và Lò Văn V2 đồng phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 115, Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt các bị cáo: Lò Quốc V3 và Lường Văn H mức án từ 21 đến 24 tháng tù; Lô Thế Đ mức án từ 18 đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo này tính từ ngày 09/10/2025.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo: Đinh Văn L, Đinh Mậu T mức án từ 36 đến 39 tháng tù; Lô Trung K mức án từ 30 đến 33 tháng tù; Hà Văn V và Lường Văn T3 mức án từ 30 đến 33 tháng tù; Vy Văn T4 mức án từ 27 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các này tính từ ngày 09/10/2025.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo: Lường Văn Q1, Lường Văn T7 và Lò Văn V2 mức án từ 24 đến 30 tháng từ nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 45; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh đối với các bị cáo Q1, T7 và V2 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lường Văn Q1; 01 gậy gỗ dài 2m, đường kình 3,5cm đã qua sử dụng; 02 gậy gỗ dài 27,5cm và 35cm, đường kính 3cm đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo V3 và H đề nghị được nhận số tiền bồi thường mà các bị cáo Q1, T7 và V2 đã nộp là 2.000.000 đồng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 584 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả số tiền bồi thường nêu trên cho các bị cáo V3 và H.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo V3, H, K, Đ, Lường Văn T3, Q1, T7 và V2; buộc L, T, V và Vy Văn T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bào chữa cho các bị cáo V3, H, Đ, Q1, T7, V2, K và Lường Văn T3: Nhất trí với Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo; là người dân tộc thiểu số sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; V3, H, Đ khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức cũng như hiểu biết pháp luật còn hạn chế để cho các bị cáo được hưởng mức án khoan hồng, cải tạo ngoài xã hội, để các bị cáo có cơ hội được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên thu thập đã đầy đủ và theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về những người tham gia tố tụng: Người bào chữa cho các bị cáo K, Đ và Lường Văn T3 là ông Nguyễn Văn Tú N2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tuy nhiên, người bào chữa cho các bị cáo K, Đ và Lường Văn T3 là bà Trần Thị T9 có mặt và người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra nên căn cứ các điều 291, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N2 và những người làm chứng.

- Về tội danh và hình phạt:

[4] Lời khai của các bị cáo Lò Quốc V3, Lường Văn H, Đinh Văn L, Đinh Mậu T, Lô Trung K, Lô Thế Đ, Hà Văn V, Lường Văn T3, Vy Văn T4, Lường Văn Q1, Lường Văn T7 và Lò Văn V2 tại phiên toà phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

Xuất phát từ việc mâu thuẫn giữa V3, H, K, Đ, Vy Văn T4 với một nhóm thanh niên không rõ lai lịch nên V3 đã gọi điện rủ T, L, Vy Văn T4 và V đến tụ tập tại khu vực ngã 3 tổ dân phố Đ, phường A, thành phố Hải Phòng chuẩn bị hung khí là dao, gậy để đánh nhau. Khoảng 02 giờ ngày 04/7/2025, khi thấy nhóm Lý Văn

Q2, Q1, T7, V2, Vy Văn T11 đi qua, do nhầm tưởng là nhóm đã mâu thuẫn trước đó nên H dùng gậy đánh T11. Biết là nhầm người, nhóm của V3 không xông vào đánh nhưng Q1, T7 ngay lập tức tấn công lại, dẫn đến việc hai nhóm đánh nhau. Nhóm của V3, H, K dùng gậy gỗ, L, T, Vy Văn T4, V dùng dao, Đ dùng gậy inox. Nhóm của Q1, V2 dùng mũ bảo hiểm, T7 dùng gậy gỗ. Hai nhóm xông vào đánh nhau, hậu quả làm T7 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%. Hành vi của các bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đánh nhau tại khu vực tập trung đông dân cư vào thời điểm đêm tối đã gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Gây rối trật tự công cộng, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, quy tắc sinh hoạt bình thường của người dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự chung, vi phạm nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân khu vực 2 - Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ.

[6] Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là dao, gậy inox, gậy gỗ, mũ bảo hiểm … đánh lẫn nhau. Đây là tình tiết định khung hình phạt "Dùng hung khí …." được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò: Trong vụ án này, các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn vì không có sự câu kết chặt chẽ (như chỉ huy, phân công, chỉ đạo, điều hành) giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Các bị cáo H, V3 là người khởi xướng; V3 gọi điện cho Vy Văn T4, T, V, L và dặn mang theo hung khí đến đánh nhau; khi nhìn thấy nhóm của Q2 thì Hiệp tưởng là nhóm trước đó mâu thuẫn với mình nên xông vào cầm gậy gỗ vụt vào lưng T11; V3 dùng gậy inox đánh Q1 và T7. Các bị cáo T và L có vai trò rất tích cực, mỗi người mang theo một con dao và trực tiếp chém gây thương tích cho T7. Các bị cáo V mang theo dao; H, Đ, K mang theo gậy gỗ, gậy inox và trực tiếp dùng những vật này tấn công nhóm của Q1, T7. Bị cáo Vy Văn T4 mặc dù chuẩn bị dao, xông vào chém nhóm của Q1, T7 nhưng sau đó dừng lại, không tấn công ai. Khi bất ngờ bị nhóm của V3, H lao vào dùng hung khí tấn công nhóm của mình thì Q1, V2 đã dùng mũ bảo hiểm của mình, T7 rằng gậy gỗ của H đánh lại nhóm của V3, H. Như vậy, V3, H, T và L có vai trò lớn nhất nên phải chịu mức án cao nhất; sau đó đến V, K, Đ, Lường Văn T3 đều có vai trò như nhau; tiếp đến là Vy Văn T4; sau cùng là Q1, T7, V2 có vai trò thấp nhất.

[8] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo V3, H, L, T, K, Đ, V, Lường Văn T3, Vy Văn T4 đã tự nguyện bồi thường cho Q1, T7, V2, Vy Văn T11 số tiền 80.000.000 đồng; Q1, T7 và V2 đã tự nguyện nộp 2.000.000 đồng vào tài khoản Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng với mục đích bồi thường cho V3, H. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo V3, H, L, T, K, Đ, V, Lường Văn T3, Vy Văn T4 được Q1, T7, V2 và T11 xin giảm nhẹ hình phạt; Q1, T7 và V2 được V3, H xin giảm nhẹ hình phạt; Vy Văn T4, V, T, L tham gia nghĩa vụ quân sự; Vy Văn T4, V và K có ông bà nội là người có công với cách mạng; V có có bác ruột là liệt sĩ; Q1 và T7 có cụ nội là liệt sỹ nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo V3, H và Đ chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

[9] Xét các căn cứ quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử cho rằng: Các bị cáo V3, H, L, T, K, Đ, V, Lường Văn T3, Vy Văn T4 phạm tội với vai trò đồng phạm chính, tích cực, chủ động, trực tiếp chuẩn bị hung khí và dùng dao, gậy tấn công, gây thương tích cho nhóm của T7. Hành vi của các bị cáo này rất manh động, coi thường pháp luật, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong lúc uống rượu đã hẹn và chuẩn bị hung khí với mục đích đánh nhau; khi nhìn thấy nhóm của T7, không phân biệt đúng sai, vô cớ, tưởng là nhóm đã mâu thuẫn trước đó nên đã dùng hung khí tấn công ngay dẫn đến hai nhóm đánh lẫn nhau tại khu vực tập trung đông dân cư …Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo này mức án nghiêm, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đảm bảo giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung; đồng thời xử phạt các bị cáo mức án thấp nhấp theo mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị đối với các bị cáo là thỏa đáng.

Đối với các bị cáo Q1, T7 và V2 phạm tội với vai trò thứ yếu, bị động, bất ngờ khi bị nhóm của V3, H dùng hung khí tấn công người trong nhóm của mình nên đã dùng mũ bảo hiểm … tấn công lại. Các bị cáo này có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã nhận thức được sự sai trái của mình để khắc phục, sửa chữa; có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử cho rằng không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo và xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất theo mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Q1, T7 và Vy Văn T11 đã được V3, H, L, T, K, Đ, V, Lường Văn T3, Vy Văn T4 bồi thường 80.000.000 đồng và không có yêu cầu

nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với việc Q1, T7 và V2 đã nộp 2.000.000 đồng vào tài khoản Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng với mục đích bồi thường cho V3, H và hai bị cáo này đồng ý nhận số tiền bồi thường, không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của Q1, T7 và V2 về việc bồi thường cho V3, H.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 mũ bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của Lường Văn Q1, bị cáo từ chối nhận lại; 01 gậy gỗ dài 2m, đường kình 3,5cm đã qua sử dụng; 02 gậy gỗ dài 27,5cm và 35cm, đường kính 3cm đã qua sử dụng: Đây đều là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với những con dao của các bị cáo T, L, V, T4, mũ bảo hiểm của V2, gậy inox của Đ, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên không xem xét, giải quyết.

[12] Về vấn đề khác: Đối với Lường Văn T7 bị thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05% nhưng không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định pháp luật.

[13] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do các bị cáo V3, H, Q1, T7, V2, K, Đ và Lường Văn T3 là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, cận nghèo nên các bị cáo này được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Buộc các bị cáo L, T, V và Vy Văn T4 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lò Quốc V3, Lường Văn H, Đinh Văn L, Đinh Mậu T, Lô Trung K, Lô Thế Đ, Hà Văn V, Lường Văn T3, Vy Văn T4, Lường Văn Q1, Lường Văn T7 và Lò Văn V2 đồng phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 115, Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt:

Bị cáo Lò Quốc V3 21 (Hai mươi mốt) tháng tù.

Bị cáo Lường Văn H 21 (Hai mươi mốt) tháng tù.

Bị cáo Lô Thế Đ 18 (Mười tám) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo V3, H và Đ tính từ ngày 09/10/2025.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt.

Bị cáo Đinh Văn L 36 (Ba mươi sáu) tháng tù.

Bị cáo Đinh Mậu T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù.

Bị cáo Lô Trung K 30 (Ba mươi) tháng tù.

Bị cáo Hà Văn V 30 (Ba mươi) tháng tù.

Bị cáo Lường Văn T3 30 (Ba mươi) tháng tù.

Bị cáo Vy Văn T4 27 (Hai mươi bảy) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo L, T, K, V, Lường Văn T3 và Vy Văn T4 tính từ ngày 09/10/2025.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lường Văn Q1 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Lường Văn T7 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Lò Văn V2 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lường Văn Q1, Lường Văn T7 và Lò Văn V2 cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Sơn La nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

"Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo

vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách".

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, Điều 590 của Bộ luật Dân sự, trả cho các bị cáo Lò Quốc V3 và Lường Văn H số tiền mà các bị cáo Lường Văn Q1, Lường Văn T7 và Lò Văn V2 đã tự nguyện bồi thường là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số: 0001668 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 45; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh đối với các bị cáo Lường Văn Q1, Lường Văn T7 và Lò Văn V2, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) mũ bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lường Văn Q1; 01 (Một) gậy gỗ dài 2m, đường kính 3,5cm đã qua sử dụng; 02 (Hai) gậy gỗ dài 27,5cm và 35cm, đường kính 3cm đã qua sử dụng.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Hải Phòng).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Quốc V3, Lường Văn H, Lô Trung K, Lô Thế Đ, Lường Văn T3, Lường Văn Q1, Lường Văn T7 và Lò Văn V2. Buộc Đinh Văn L, Đinh Mậu T, Hà Văn V và Vy Văn T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Lò Q, Lường Văn H, Đinh Văn L, Đinh Mậu T, Lô Trung K, Lô Thế Đ, Hà Văn V, Lường Văn T3, Vy Văn T4, Lường Văn Q1, Lường Văn T7 và Lò Văn V2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2-Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1-CATP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06);
- Cơ quan THAHS-CATP Hải Phòng (PC10);
- UBND (xã, phường, đặc khu) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

Hoàng Văn Đ1 **Đoàn Văn N3**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thế Sự Đỗ Thị Viện **Nguyễn Thanh Tùng**

cho bị cáo được hưởng án thấp nhấp, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16. Mặc dù giữa bị cáo và bị hại có tình cảm nam nữ, việc quan hệ tình dục là sự đồng thuận của cả hai bên. Tuy nhiên, bị hại là người chưa đủ 16 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên hành vi quan hệ tình dục tự nguyện này là trái pháp luật và bị nghiêm cấm. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm.